

BIỂU ĐỒ CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA XE BUÝT, TUYẾN SỐ 25: VINH - TÂY HIỆU (TX THÁI HÒA)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10023/QĐ-SXD ngày 18./12/2025 của Sở Xây dựng Nghệ An)
150 phút

Thời gian 1 lượt
Số lượng 17 xe hoạt động

Chuyến số	Thời gian nghỉ	Xe về đến Vinh	CĐSP Nghệ An	ĐH Y khoa Vinh	Đại học Vinh	Đ/d MT Sông Lam	Ngã 4 Ga	CX đôi	BX Bắc Vinh	Về đến TH	Tần suất (phút)	Mã xe	Thời gian bơm dầu	Thời gian nghỉ	Về đến TH	Xuất bến TH	Xe về đến Vinh	Tần suất (phút)	Mã xe
1			4:30	4:36	4:46	4:53	5:00	5:07	5:13	7:00	20	V1				3:50	6:20	20	TH1
2			4:50	4:59	5:15	5:27	5:36	5:43	5:49	7:20	20	V2				4:10	6:40	20	TH2
3			5:10	5:19	5:35	5:47	5:56	6:03	6:09	7:40	20	V3				4:30	7:00	20	TH3
4			5:30	5:39	5:55	6:07	6:16	6:23	6:29	8:00	20	V4				4:50	7:20	20	TH4
5			5:50	5:59	6:15	6:27	6:36	6:43	6:49	8:20	20	V5				5:10	7:40	20	TH5
6			6:10	6:19	6:35	6:47	6:56	7:03	7:09	8:40	40	V6				5:30	8:00	15	TH6
7	0:30	6:20	6:50	6:59	7:15	7:27	7:36	7:43	7:49	9:20	20	TH1				5:45	8:15	15	TH7
8	0:30	6:40	7:10	7:19	7:35	7:47	7:56	8:03	8:09	9:40	20	TH2				6:00	8:30	20	TH8
9	0:30	7:00	7:30	7:39	7:55	8:07	8:16	8:23	8:29	10:00	40	TH3				6:20	8:50	20	TH9
10	0:50	7:20	8:10	8:19	8:35	8:47	8:56	9:03	9:09	10:40	20	TH4				6:40	9:10	20	TH10
11	0:50	7:40	8:30	8:39	8:55	9:07	9:16	9:23	9:29	11:00	40	TH5				7:00	9:30	20	TH11
12	1:10	8:00	9:10	9:19	9:35	9:47	9:56	10:03	10:09	11:40	20	TH6		0:20	7:00	7:20	9:50	20	V1
13	1:15	8:15	9:30	9:39	9:55	10:07	10:16	10:23	10:29	12:00	20	TH7		0:20	7:20	7:40	10:10	20	V2
14	1:20	8:30	9:50	9:59	10:15	10:27	10:36	10:43	10:49	12:20	20	TH8		0:20	7:40	8:00	10:30	20	V3
15	1:20	8:50	10:10	10:19	10:35	10:47	10:56	11:03	11:09	12:40	20	TH9		0:20	8:00	8:20	10:50	20	V4
16	1:20	9:10	10:30	10:39	10:55	11:07	11:16	11:23	11:29	13:00	20	TH10		0:20	8:20	8:40	11:10	30	V5
17	1:20	9:30	10:50	10:59	11:15	11:27	11:36	11:43	11:49	13:20	40	TH11		0:30	8:40	9:10	11:40	30	V6
18	1:40	9:50	11:30	11:39	11:55	12:07	12:16	12:23	12:29	14:00	20	V1		0:20	9:20	9:40	12:10	30	TH1
19	1:40	10:10	11:50	11:59	12:15	12:27	12:36	12:43	12:49	14:20	20	V2		0:30	9:40	10:10	12:40	30	TH2
20	1:40	10:30	12:10	12:19	12:35	12:47	12:56	13:03	13:09	14:40	20	V3		0:40	10:00	10:40	13:10	30	TH3
21	1:40	10:50	12:30	12:39	12:55	13:07	13:16	13:23	13:29	15:00	20	V4		0:30	10:40	11:10	13:40	30	TH4

22	1:40	11:10	12:50	12:59	13:15	13:27	13:36	13:43	13:49	15:20	20	V5		0:40	11:00	11:40	14:10	30	TH5
23	1:30	11:40	13:10	13:19	13:35	13:47	13:56	14:03	14:09	15:40	20	V6		0:30	11:40	12:10	14:40	30	TH6
24	1:20	12:10	13:30	13:39	13:55	14:07	14:16	14:23	14:29	16:00	20	TH1		0:40	12:00	12:40	15:10	20	TH7
25	1:10	12:40	13:50	13:59	14:15	14:27	14:36	14:43	14:49	16:20	40	TH2		0:40	12:20	13:00	15:30	20	TH8
26	1:20	13:10	14:30	14:39	14:55	15:07	15:16	15:23	15:29	17:00	20	TH3		0:40	12:40	13:20	15:50	20	TH9
27	1:10	13:40	14:50	14:59	15:15	15:27	15:36	15:43	15:49	17:20	20	TH4		0:40	13:00	13:40	16:10	30	TH10
28	1:00	14:10	15:10	15:19	15:35	15:47	15:56	16:03	16:09	17:40	20	TH5		0:50	13:20	14:10	16:40	30	TH11
29	0:50	14:40	15:30	15:39	15:55	16:07	16:16	16:23	16:29	18:00	20	TH6		0:40	14:00	14:40	17:10	30	V1
30	0:40	15:10	15:50	15:59	16:15	16:27	16:36	16:43	16:49	18:20	20	TH7		0:50	14:20	15:10	17:40	30	V2
31	0:40	15:30	16:10	16:19	16:35	16:47	16:56	17:03	17:09	18:40	20	TH8		1:00	14:40	15:40	18:10	30	V3
32	0:40	15:50	16:30	16:39	16:55	17:07	17:16	17:23	17:29	19:00	20	TH9		1:10	15:00	16:10	18:40	30	V4
33	0:40	16:10	16:50	16:59	17:15	17:27	17:36	17:43	17:49	19:20	20	TH10		1:20	15:20	16:40	19:10	30	V5
34	0:30	16:40	17:10	17:19	17:35	17:47	17:56	18:03	18:09	19:40		TH11		1:30	15:40	17:10	19:40		V6

Ghi chú: Chiều dài tuyến khoảng 95 km

Thời gian hoạt động trên các phường Vinh

CĐ Sư Phạm - Lê Viết Thuật - Nguyễn Phong Sắc (Cổng ĐH Y khoa Vinh)	0:09
Cổng ĐH Y khoa Vinh - Nguyễn Phong Sắc - Nguyễn Duy Trinh - Nguyễn Viết Xuân - Phong	0:16
Cổng ĐH Vinh - Lê Duẩn - Quang Trung - Đ/d KS Mường Thanh Sông Lam	0:12
Đ/d KS Mường Thanh Sông Lam - Quang Trung - Lê Lợi - Ngã 4 Ga (KS Xanh)	0:09
Ngã 4 Ga - Mai Hắc Đế - Nguyễn Trãi - Cây xăng đôi (đường vào trường Việt Hàn)	0:07
Cây xăng đôi - Nguyễn Trãi - Thăng Long - BX Bắc Vinh	0:06
Tổng thời gian hoạt động trên hành trình trên các phường Vinh	0:59

BIỂU ĐỒ CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA XE BUÝT, TUYẾN SỐ 32: VINH - NGHĨA THÁI (TÂN KỲ)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 100/2025/QĐ-SXD ngày 18/12/2025 của Sở Xây dựng Nghệ An)

Thời gian 1 lượt

150 phút

Số lượng 16 xe hoạt động

Chuyến số	Thời gian nghỉ	Xe về đến Vinh	CĐSP Nghệ An	ĐH Y khoa Vinh	Đại học Vinh	Đ/d MT Sông Lam	Ngã 4 Ga	CX đôi	BX Bắc Vinh	Về đến NT	Tần suất (phút)	Mã xe	Thời gian bơm dầu	Thời gian nghỉ	Về đến NT	Xuất bến NT	Xe về đến Vinh	Tần suất (phút)	Mã xe
1			4:17	4:23	4:33	4:40	4:47	4:54	5:00	6:47	22	T1				3:37	6:07	18	NT1
2			4:39	4:45	4:55	5:02	5:09	5:16	5:22	7:09	44	T2				3:55	6:25	18	NT2
3			5:23	5:29	5:39	5:46	5:53	6:00	6:06	7:53	44	T3				4:13	6:43	18	NT3
4			6:07	6:16	6:32	6:44	6:53	7:00	7:06	8:37	22	T4				4:31	7:01	18	NT4
5			6:29	6:38	6:54	7:06	7:15	7:22	7:28	8:59	42	T5				4:49	7:19	18	NT5
6	1:04	6:07	7:11	7:20	7:36	7:48	7:57	8:04	8:10	9:41	20	NT1				5:07	7:37	18	NT6
7	1:06	6:25	7:31	7:40	7:56	8:08	8:17	8:24	8:30	10:01	20	NT2				5:25	7:55	18	NT7
8	1:08	6:43	7:51	8:00	8:16	8:28	8:37	8:44	8:50	10:21	20	NT3				5:43	8:13	18	NT8
9	1:10	7:01	8:11	8:20	8:36	8:48	8:57	9:04	9:10	10:41	20	NT4				6:01	8:31	18	NT9
10	1:12	7:19	8:31	8:40	8:56	9:08	9:17	9:24	9:30	11:01	20	NT5				6:19	8:49	36	NT10
11	1:14	7:37	8:51	9:00	9:16	9:28	9:37	9:44	9:50	11:21	20	NT6				6:55	9:25	44	NT11
12	1:16	7:55	9:11	9:20	9:36	9:48	9:57	10:04	10:10	11:41	20	NT7		0:52	6:47	7:39	10:09	22	T1
13	1:18	8:13	9:31	9:40	9:56	10:08	10:17	10:24	10:30	12:01	20	NT8		0:52	7:09	8:01	10:31	44	T2
14	1:20	8:31	9:51	10:00	10:16	10:28	10:37	10:44	10:50	12:21	40	NT9		0:52	7:53	8:45	11:15	44	T3
15	1:42	8:49	10:31	10:40	10:56	11:08	11:17	11:24	11:30	13:01	40	NT10		0:52	8:37	9:29	11:59	22	T4
16	1:46	9:25	11:11	11:20	11:36	11:48	11:57	12:04	12:10	13:41	20	NT11		0:52	8:59	9:51	12:21	22	T5
17	1:22	10:09	11:31	11:40	11:56	12:08	12:17	12:24	12:30	14:01	40	T1		0:32	9:41	10:13	12:43	22	NT1
18	1:40	10:31	12:11	12:20	12:36	12:48	12:57	13:04	13:10	14:41	40	T2		0:34	10:01	10:35	13:05	22	NT2
19	1:36	11:15	12:51	13:00	13:16	13:28	13:37	13:44	13:50	15:21	20	T3		0:36	10:21	10:57	13:27	22	NT3
20	1:12	11:59	13:11	13:20	13:36	13:48	13:57	14:04	14:10	15:41	20	T4		0:38	10:41	11:19	13:49	22	NT4
21	1:10	12:21	13:31	13:40	13:56	14:08	14:17	14:24	14:30	16:01	20	T5		0:40	11:01	11:41	14:11	18	NT5

22	1:08	12:43	13:51	14:00	14:16	14:28	14:37	14:44	14:50	16:21	20	NT1		0:38	11:21	11:59	14:29	18	NT6
23	1:06	13:05	14:11	14:20	14:36	14:48	14:57	15:04	15:10	16:41	20	NT2		0:36	11:41	12:17	14:47	18	NT7
24	1:04	13:27	14:31	14:40	14:56	15:08	15:17	15:24	15:30	17:01	20	NT3		0:34	12:01	12:35	15:05	18	NT8
25	1:02	13:49	14:51	15:00	15:16	15:28	15:37	15:44	15:50	17:21	20	NT4		0:32	12:21	12:53	15:23	18	NT9
26	1:00	14:11	15:11	15:20	15:36	15:48	15:57	16:04	16:10	17:41	20	NT5		0:10	13:01	13:11	15:41	38	NT10
27	1:02	14:29	15:31	15:40	15:56	16:08	16:17	16:24	16:30	18:01	18	NT6		0:08	13:41	13:49	16:19	44	NT11
28	1:02	14:47	15:49	15:58	16:14	16:26	16:35	16:42	16:48	18:19	18	NT7		0:32	14:01	14:33	17:03	22	T1
29	1:02	15:05	16:07	16:16	16:32	16:44	16:53	17:00	17:06	18:37	18	NT8		0:14	14:41	14:55	17:25	44	T2
30	1:02	15:23	16:25	16:34	16:50	17:02	17:11	17:18	17:24	18:55	18	NT9		0:18	15:21	15:39	18:09	44	T3
31	1:02	15:41	16:43	16:52	17:08	17:20	17:29	17:36	17:42	19:13	19	NT10		0:42	15:41	16:23	18:53	22	T4
32	0:43	16:19	17:02	17:11	17:27	17:39	17:48	17:55	18:01	19:32		NT11		0:44	16:01	16:45	19:15		T5

Ghi chú: Chiều dài tuyến khoảng 105 km

Thời gian hoạt động trên các phường Vinh	
CD Sư Phạm - Lê Viết Thuật - Nguyễn Phong Sắc (Cổng ĐH Y khoa Vinh)	0:09
Cổng ĐH Y khoa Vinh - Nguyễn Phong Sắc - Võ Nguyên Hiến - Phong Đình Cảng - Nguyễn Du - Lê Duẩn - Cổng ĐH Vinh	0:16
Cổng ĐH Vinh - Lê Duẩn - Quang Trung - Đ/d KS Mường Thanh Sông Lam	0:12
Đ/d KS Mường Thanh Sông Lam - Quang Trung - Lê Lợi - Ngã 4 Ga	0:09
Ngã 4 Ga - Mai Hắc Đế - Nguyễn Trãi - Cây xăng đôi (vào trường Việt Hàn)	0:07
Cây xăng đôi - Nguyễn Trãi - Thăng Long - BX Bắc Vinh	0:06
Tổng thời gian hoạt động trên hành trình trên các phường Vinh	0:59